TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-11-2019.
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phúc;

2. Ông Lê Thanh Hải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54a/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Thu T, sinh năm: 1985.
Hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm: 1987.
Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 16-9-2009. Chị và anh

Q chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về kinh tế gia đình. Ngoài ra, anh Q thường xuyên uống rượu, không lo lắng cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ nhau, mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng, đến năm 2014 anh Q bỏ về nhà mẹ ruột tại Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh sống và ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai anh chị cũng không có biện pháp khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại cuộc sống gia đình chị không còn hạnh phúc nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mẫu thuẫn đã đến mức trầm trọng. Vì vậy, chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 người con chung tên Trần Hoàng M, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2010 (nam). Hiện tại cháu M đang sống chung với chị. Nay ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Đối với bị đơn - anh Trần Văn Q:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý, thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Q không đến để trình bày theo yêu cầu của Tòa án cũng như không tham dự phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử mặc dù Công an xã Tiên Thuận xác nhận anh vẫn còn hộ khẩu ở địa phương, anh vẫn thường xuyên đi về nhà nhưng cố tình vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Q đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Thu T, cho chị T được ly hôn với anh Trần Văn Q. Về con chung: Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 giao cháu Trần Hoàng M, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2010 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị Đinh Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải

quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị Đinh Thị Thu T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn Q được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 16-9-2009 nên hôn nhân của chị T và anh Q là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị T trình bày mâu thuẫn phát sinh là do trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay bất đồng về kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên gây gỗ nhau, hiện tại anh Q đã bỏ về nhà mẹ ruột tại Ấp B, xã T, huyện B sống và ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai cũng không có biện pháp khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, anh Q không chấp hành theo giấy triệu tập của tòa án, cố tình vắng mặt không đến, điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Q là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh Q có 01 người con chung tên Trần Hoàng M, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2010. Nay ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu M hiện đang sống chung với chị T. Mặt khác, cháu M đã trên 7 tuổi, qua làm việc cháu có nguyện vọng muốn được sống chung với chị T. Do vậy cần giao cháu M cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, chị T không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Dù Hội đồng xét xử đã giải thích quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trong việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cho chị T nghe nhưng chị vẫn giữ nguyên ý kiến không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung do vậy nên ghi nhận.

Anh Trần Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Đinh Thị Thu T xác định chị và anh Q không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Đinh Thị Thu T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đinh Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị Thu T với anh Trần Văn Q.

Chị Đinh Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng M, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2010 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Trần Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Trần Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Đinh Thị Thu T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Đinh Thị Thu T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đinh Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0022145 ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm

Anh Trần Văn Q không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị T có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Anh Q có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THA Bến Cầu;
- UBND xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân